



BẢNG MÀU RAL CLASSIC

215 mã màu chuẩn quốc tế · HEX · RGB · Tên Anh & Việt

Tổng Kho Sơn Việt là đơn vị cung cấp sơn công nghiệp, sơn tàu biển, sơn chống rỉ, sơn chống nóng và sơn chống thấm — pha màu theo mã RAL cho nhà máy, xưởng cơ khí, nhà thầu và chủ đầu tư trên toàn quốc. Tài liệu này giúp kỹ sư thiết kế, bộ phận mua hàng và đội thi công thống nhất mã màu trước khi sản xuất và thi công.

Website: tongkhosonviet.vn

Hotline/Zalo: **0867145258**

Liên hệ báo giá sơn theo màu RAL

Nhận mẫu sơn theo màu RAL

1000	1006	1015	1021	1032	2000	2007	2013
3004	3013	3020	3031	4004	4010	5003	5010
5017	5023	6002	6008	6014	6020	6027	6035
7002	7009	7016	7030	7036	7043	8000	8008

RAL là hệ thống tiêu chuẩn màu quốc tế, không thuộc bất kỳ hãng sơn nào.

Tra cứu online: <https://tongkhosonviet.vn/tra-cuu/bang-mau-ral>

RAL 1000**Green beige**

Be xanh lá

#CDBA88 RGB 205 186 136

RAL 1001**Beige**

Màu be

#D0B084 RGB 208 176 132

RAL 1002**Sand yellow**

Vàng cát

#D2AA6D RGB 210 170 109

RAL 1003**Signal yellow**

Vàng tín hiệu

#F9A800 RGB 249 168 0

RAL 1004**Golden yellow**

Vàng óng

#E49E00 RGB 228 158 0

RAL 1005**Honey yellow**

Vàng mật ong

#CB8E00 RGB 203 142 0

RAL 1006**Maize yellow**

Vàng ngô

#E29000 RGB 226 144 0

RAL 1007**Daffodil yellow**

Vàng hoa thủy tiên

#E88C00 RGB 232 140 0

RAL 1011**Brown beige**

Be nâu

#AF804F RGB 175 128 79

RAL 1012**Lemon yellow**

Vàng chanh

#DDAF27 RGB 221 175 39

RAL 1013**Oyster white**

Trắng vỏ hào

#E3D9C6 RGB 227 217 198

RAL 1014**Ivory**

Trắng ngà

#DDC49A RGB 221 196 154

RAL 1015**Light ivory**

Trắng ngà sáng

#E6D2B5 RGB 230 210 181

RAL 1016**Sulfur yellow**

Vàng lưu huỳnh

#F1DD38 RGB 241 221 56

RAL 1017**Saffron yellow**

Vàng nghệ tây

#F6A950 RGB 246 169 80

RAL 1018**Zinc yellow**

Vàng kẽm

#FACA30 RGB 250 202 48

RAL 1019**Grey beige**

Be xám

#A48F7A RGB 164 143 122

RAL 1020**Olive yellow**

Vàng ô liu

#A08F65 RGB 160 143 101

RAL 1021**Colza yellow**

Vàng hoa cải

#F6B600 RGB 246 182 0

RAL 1023**Traffic yellow**

Vàng giao thông

#F7B500 RGB 247 181 0

RAL 1024**Ochre yellow**

Vàng đất son

#BA8F4C RGB 186 143 76

RAL 1026**Luminous yellow**

Vàng phát quang

#FFFF00 RGB 255 255 0

RAL 1027**Curry**

Vàng cà ri

#A77F0E RGB 167 127 14

RAL 1028**Melon yellow**

Vàng dưa

#FF9B00 RGB 255 155 0

RAL 1032**Broom yellow**

Vàng hoa kim tước

#E2A300 RGB 226 163 0

RAL 1033**Dahlia yellow**

Vàng thực dược

#F99A1C RGB 249 154 28

RAL 1034**Pastel yellow**

Vàng pastel

#EB9C52 RGB 235 156 82

RAL 1035**Pearl beige**

Be ngọc trai

#908370 RGB 144 131 112

RAL 1036**Pearl gold**

Vàng kim ngọc trai

#80643F RGB 128 100 63

RAL 1037**Sun yellow**

Vàng nắng

#F09200 RGB 240 146 0

RAL 2000**Yellow orange**

Cam vàng

#DD7907 RGB 221 121 7

RAL 2001**Red orange**

Cam đỏ

#BE4E20 RGB 190 78 32

RAL 2002**Vermilion**

Đỏ son

#C63927 RGB 198 57 39

RAL 2003**Pastel orange**

Cam pastel

#FA842B RGB 250 132 43

RAL 2004**Pure orange**

Cam nguyên bản

#E75B12 RGB 231 91 18

RAL 2005**Luminous orange**

Cam phát quang

#FF2300 RGB 255 35 0

RAL 2007

Luminous bright orange

Cam phát quang tươi

#FFA421 RGB 255 164 33

RAL 2008

Bright red orange

Cam tươi đỏ

#F3752C RGB 243 117 44

RAL 2009

Traffic orange

Cam giao thông

#E15501 RGB 225 85 1

RAL 2010

Signal orange

Cam tín hiệu

#D4652F RGB 212 101 47

RAL 2011

Deep orange

Cam sẫm

#EC7C25 RGB 236 124 37

RAL 2012

Salmon orange

Cam cá hồi

#DB6A50 RGB 219 106 80

RAL 2013

Pearl orange

Cam ngọc trai

#954527 RGB 149 69 39

RAL 2017

RAL orange

Cam RAL

#FA4402 RGB 250 68 2

RAL 3000

Flame red

Đỏ lửa

#AB2524 RGB 171 37 36

RAL 3001

Signal red

Đỏ tín hiệu

#A02128 RGB 160 33 40

RAL 3002

Carmine red

Đỏ đỏ carmine

#A1232B RGB 161 35 43

RAL 3003

Ruby red

Đỏ ngọc hồng

#8D1D2C RGB 141 29 44

RAL 3004

Purple red

Đỏ tía

#701F29 RGB 112 31 41

RAL 3005

Wine red

Đỏ vang

#5E2028 RGB 94 32 40

RAL 3007

Black red

Đỏ đen

#402225 RGB 64 34 37

RAL 3009

Oxide red

Đỏ oxit sắt

#703731 RGB 112 55 49

RAL 3011

Brown red

Đỏ nâu

#7E292C RGB 126 41 44

RAL 3012

Beige red

Đỏ be

#CB8D73 RGB 203 141 115

RAL 3013**Tomato red**

Đỏ cà chua

#9C322E RGB 156 50 46

RAL 3014**Antique pink**

Hồng cổ

#D47479 RGB 212 116 121

RAL 3015**Light pink**

Hồng sáng

#E1A6AD RGB 225 166 173

RAL 3016**Coral red**

Đỏ san hô

#AC4034 RGB 172 64 52

RAL 3017**Rose**

Hồng phấn

#D3545F RGB 211 84 95

RAL 3018**Strawberry red**

Đỏ dâu

#D14152 RGB 209 65 82

RAL 3020**Traffic red**

Đỏ giao thông

#C1121C RGB 193 18 28

RAL 3022**Salmon pink**

Hồng cá hồi

#D56D56 RGB 213 109 86

RAL 3024**Luminous red**

Đỏ phát quang

#F70000 RGB 247 0 0

RAL 3026**Luminous bright red**

Đỏ phát quang tươi

#FF0000 RGB 255 0 0

RAL 3027**Raspberry red**

Đỏ phúc bồn tử

#B42041 RGB 180 32 65

RAL 3028**Pure red**

Đỏ nguyên bản

#E72512 RGB 231 37 18

RAL 3031**Orient red**

Đỏ phương Đông

#AC323B RGB 172 50 59

RAL 3032**Pearl ruby red**

Đỏ ngọc trai ngọc hồng

#711521 RGB 113 21 33

RAL 3033**Pearl pink**

Hồng ngọc trai

#B24C43 RGB 178 76 67

RAL 4001**Red lilac**

lilac đỏ

#8A5A83 RGB 138 90 131

RAL 4002**Red violet**

Tím đỏ

#933D50 RGB 147 61 80

RAL 4003**Heather violet**

Tím thạch thảo

#D15B8F RGB 209 91 143

RAL 4004

Claret violet

Tím bordeaux

#691639 RGB 105 22 57

RAL 4005

Blue lilac

lilac xanh dương

#83639D RGB 131 99 157

RAL 4006

Traffic purple

tía giao thông

#992572 RGB 153 37 114

RAL 4007

Purple violet

Tím tía

#4A203B RGB 74 32 59

RAL 4008

Signal violet

Tím tín hiệu

#904684 RGB 144 70 132

RAL 4009

Pastel violet

Tím pastel

#A38995 RGB 163 137 149

RAL 4010

Telemagenta

Hồng telemagenta

#C63678 RGB 198 54 120

RAL 4011

Pearl violet

Tím ngọc trai

#8773A1 RGB 135 115 161

RAL 4012

Pearl blackberry

mâm xôi ngọc trai

#6B6880 RGB 107 104 128

RAL 5000

Violet blue

Xanh dương tím

#384C70 RGB 56 76 112

RAL 5001

Green blue

Xanh dương xanh lá

#1F4764 RGB 31 71 100

RAL 5002

Ultramarine blue

Xanh dương ultramarine

#2B2C7C RGB 43 44 124

RAL 5003

Sapphire blue

Xanh dương lam ngọc

#2A3756 RGB 42 55 86

RAL 5004

Black blue

Xanh dương đen

#1D1F2A RGB 29 31 42

RAL 5005

Signal blue

Xanh dương tín hiệu

#154889 RGB 21 72 137

RAL 5007

Brilliant blue

Xanh dương rực

#41678D RGB 65 103 141

RAL 5008

Grey blue

Xanh dương xám

#313C48 RGB 49 60 72

RAL 5009

Azure blue

Xanh dương azure

#2E5978 RGB 46 89 120

RAL 5010**Gentian blue**

Xanh dương hoa long đằm

#13447C RGB 19 68 124

RAL 5011**Steel blue**

Xanh dương thép

#232C3F RGB 35 44 63

RAL 5012**Light blue**

Xanh dương sáng

#3481B8 RGB 52 129 184

RAL 5013**Cobalt blue**

Xanh dương cobalt

#232D53 RGB 35 45 83

RAL 5014**Pigeon blue**

Xanh dương lông bồ câu

#6C7C98 RGB 108 124 152

RAL 5015**Sky blue**

Xanh dương trời

#2874B2 RGB 40 116 178

RAL 5017**Traffic blue**

Xanh dương giao thông

#0E518D RGB 14 81 141

RAL 5018**Turquoise blue**

Xanh dương ngọc lam

#21888F RGB 33 136 143

RAL 5019**Capri blue**

Xanh dương capri

#1A5784 RGB 26 87 132

RAL 5020**Ocean blue**

Xanh dương đại dương

#0B4151 RGB 11 65 81

RAL 5021**Water blue**

Xanh dương nước

#07737A RGB 7 115 122

RAL 5022**Night blue**

Xanh dương đêm

#2F2A5A RGB 47 42 90

RAL 5023**Distant blue**

Xanh dương xa

#4D668E RGB 77 102 142

RAL 5024**Pastel blue**

Xanh dương pastel

#6A93B0 RGB 106 147 176

RAL 5025**Pearl Gentian blue**

Xanh long đằm ngọc trai

#296478 RGB 41 100 120

RAL 5026**Pearl night blue**

Xanh dương ngọc trai đêm

#102C54 RGB 16 44 84

RAL 6000**Patina green**

Xanh lá gỉ đồng

#327662 RGB 50 118 98

RAL 6001**Emerald green**

Xanh lá ngọc lục bảo

#28713E RGB 40 113 62

RAL 6002**Leaf green**

Xanh lá lá

#276235 RGB 39 98 53

RAL 6003**Olive green**

Xanh lá ô liu

#4B573E RGB 75 87 62

RAL 6004**Blue green**

Xanh lá xanh dương

#0E4243 RGB 14 66 67

RAL 6005**Moss green**

Xanh lá rêu

#0F4336 RGB 15 67 54

RAL 6006**Grey olive**

Ô liu xám

#40433B RGB 64 67 59

RAL 6007**Bottle green**

Xanh lá vỏ chai

#283424 RGB 40 52 36

RAL 6008**Brown green**

Xanh lá nâu

#35382E RGB 53 56 46

RAL 6009**Fir green**

Xanh lá tùng

#26392F RGB 38 57 47

RAL 6010**Grass green**

Xanh lá cỏ

#3E753B RGB 62 117 59

RAL 6011**Reseda green**

Xanh lá reseda

#68825B RGB 104 130 91

RAL 6012**Black green**

Xanh lá đen

#31403D RGB 49 64 61

RAL 6013**Reed green**

Xanh lá sậy

#797C5A RGB 121 124 90

RAL 6014**Yellow olive**

Ô liu vàng

#444337 RGB 68 67 55

RAL 6015**Black olive**

Ô liu đen

#3D403A RGB 61 64 58

RAL 6016**Turquoise green**

Xanh lá ngọc lam

#026A52 RGB 2 106 82

RAL 6017**May green**

Xanh lá tháng Năm

#468641 RGB 70 134 65

RAL 6018**Yellow green**

Xanh lá vàng

#48A43F RGB 72 164 63

RAL 6019**Pastel green**

Xanh lá pastel

#B7D9B1 RGB 183 217 177

RAL 6020

Chrome green

Xanh lá crôm

#354733 RGB 53 71 51

RAL 6021

Pale green

Xanh lá nhạt

#86A47C RGB 134 164 124

RAL 6022

Olive-drab/brown olive

Ô liu nâu

#3E3C32 RGB 62 60 50

RAL 6024

Traffic green

Xanh lá giao thông

#008754 RGB 0 135 84

RAL 6025

Fern green

Xanh lá dương xỉ

#53753C RGB 83 117 60

RAL 6026

Opal green

Xanh lá opal

#005D52 RGB 0 93 82

RAL 6027

Light green

Xanh lá sáng

#81C0BB RGB 129 192 187

RAL 6028

Pine green

Xanh lá thông

#2D5546 RGB 45 85 70

RAL 6029

Mint green

Xanh lá bạc hà

#007243 RGB 0 114 67

RAL 6032

Signal green

Xanh lá tín hiệu

#0F8558 RGB 15 133 88

RAL 6033

Mint turquoise

Ngọc lam bạc hà

#478A84 RGB 71 138 132

RAL 6034

Pastel turquoise

Ngọc lam pastel

#7FB0B2 RGB 127 176 178

RAL 6035

Pearl green

Xanh lá ngọc trai

#1B542C RGB 27 84 44

RAL 6036

Pearl opal green

Xanh lá ngọc trai opal

#005D4C RGB 0 93 76

RAL 6037

Pure green

Xanh lá nguyên bản

#25E712 RGB 37 231 18

RAL 6038

Luminous green

Xanh lá phát quang

#00F700 RGB 0 247 0

RAL 7000

Squirrel grey

Xám lông sóc

#7E8B92 RGB 126 139 146

RAL 7001

Silver grey

Xám bạc

#8F999F RGB 143 153 159

RAL 7002**Olive grey**

Xám ô liu

#817F68 RGB 129 127 104

RAL 7003**Moss grey**

Xám rêu

#7A7B6D RGB 122 123 109

RAL 7004**Signal grey**

Xám tín hiệu

#9EA0A1 RGB 158 160 161

RAL 7005**Mouse grey**

Xám lông chuột

#6B716F RGB 107 113 111

RAL 7006**Beige grey**

Xám be

#756F61 RGB 117 111 97

RAL 7008**Khaki grey**

Xám kaki

#746643 RGB 116 102 67

RAL 7009**Green grey**

Xám xanh lá

#5B6259 RGB 91 98 89

RAL 7010**Tarpaulin grey**

Xám vải bạt

#575D57 RGB 87 93 87

RAL 7011**Iron grey**

Xám sắt

#555D61 RGB 85 93 97

RAL 7012**Basalt grey**

Xám basalt

#596163 RGB 89 97 99

RAL 7013**Brown grey**

Xám nâu

#555548 RGB 85 85 72

RAL 7015**Slate grey**

Xám đá phiến

#51565C RGB 81 86 92

RAL 7016**Anthracite grey**

Xám anthracite

#373F43 RGB 55 63 67

RAL 7021**Black grey**

Xám đen

#2E3234 RGB 46 50 52

RAL 7022**Umbra grey**

Xám umbra

#4B4D46 RGB 75 77 70

RAL 7023**Concrete grey**

Xám bê tông

#818479 RGB 129 132 121

RAL 7024**Graphite grey**

Xám than chì

#474A50 RGB 71 74 80

RAL 7026**Granite grey**

Xám granit

#374447 RGB 55 68 71

RAL 7030

Stone grey

Xám đá

#939388 RGB 147 147 136

RAL 7031

Blue grey

Xám xanh dương

#5D6970 RGB 93 105 112

RAL 7032

Pebble grey

Xám sỏi

#B9B9A8 RGB 185 185 168

RAL 7033

Cement grey

Xám xi măng

#818979 RGB 129 137 121

RAL 7034

Yellow grey

Xám vàng

#939176 RGB 147 145 118

RAL 7035

Light grey

Xám sáng

#CBD0CC RGB 203 208 204

RAL 7036

Platinum grey

Xám bạch kim

#9A9697 RGB 154 150 151

RAL 7037

Dusty grey

Xám bụi

#7C7F7E RGB 124 127 126

RAL 7038

Agate grey

Xám mã não

#B4B8B0 RGB 180 184 176

RAL 7039

Quartz grey

Xám thạch anh

#6B695F RGB 107 105 95

RAL 7040

Window grey

Xám khung cửa

#9DA3A6 RGB 157 163 166

RAL 7042

Traffic grey A

Xám giao thông A

#8F9695 RGB 143 150 149

RAL 7043

Traffic grey B

Xám giao thông B

#4E5451 RGB 78 84 81

RAL 7044

Silk grey

Xám lụa

#BDBDB2 RGB 189 189 178

RAL 7045

Telegrey 1

Xám telegrey 1

#91969A RGB 145 150 154

RAL 7046

Telegrey 2

Xám telegrey 2

#82898E RGB 130 137 142

RAL 7047

Telegrey 4

Xám telegrey 4

#CFD0CF RGB 207 208 207

RAL 7048

Pearl mouse grey

Xám ngọc trai lông chuột

#888175 RGB 136 129 117

RAL 8000**Green brown**

Nâu xanh lá

#887142 RGB 136 113 66

RAL 8001**Ochre brown**

Nâu đất son

#9C6B30 RGB 156 107 48

RAL 8002**Signal brown**

Nâu tín hiệu

#7B5141 RGB 123 81 65

RAL 8003**Clay brown**

Nâu đất sét

#80542F RGB 128 84 47

RAL 8004**Copper brown**

Nâu đồng

#8F4E35 RGB 143 78 53

RAL 8007**Fawn brown**

Nâu nâu hoẵng

#6F4A2F RGB 111 74 47

RAL 8008**Olive brown**

Nâu ô liu

#6F4F28 RGB 111 79 40

RAL 8011**Nut brown**

Nâu hạt dẻ

#5A3A29 RGB 90 58 41

RAL 8012**Red brown**

Nâu đỏ

#673831 RGB 103 56 49

RAL 8014**Sepia brown**

Nâu sepia

#49392D RGB 73 57 45

RAL 8015**Chestnut brown**

Nâu hạt dẻ

#633A34 RGB 99 58 52

RAL 8016**Mahogany brown**

Nâu gỗ gụ

#4C2F26 RGB 76 47 38

RAL 8017**Chocolate brown**

Nâu sô cô la

#44322D RGB 68 50 45

RAL 8019**Grey brown**

Nâu xám

#3F3A3A RGB 63 58 58

RAL 8022**Black brown**

Nâu đen

#211F20 RGB 33 31 32

RAL 8023**Orange brown**

Nâu cam

#A65E2F RGB 166 94 47

RAL 8024**Beige brown**

Nâu be

#79553C RGB 121 85 60

RAL 8025**Pale brown**

Nâu nhạt

#755C49 RGB 117 92 73

RAL 8028
Terra brown

Nâu terra

#4E3B2B RGB 78 59 43

RAL 8029
Pearl copper

đồng ngọc trai

#773C27 RGB 119 60 39

RAL 9001
Cream

Trắng kem

#EFEBCD RGB 239 235 220

RAL 9002
Grey white

Trắng xám

#DDDED4 RGB 221 222 212

RAL 9003
Signal white

Trắng tín hiệu

#F4F8F4 RGB 244 248 244

RAL 9004
Signal black

Đen tín hiệu

#2E3032 RGB 46 48 50

RAL 9005
Jet black

Đen tuyền

#0A0A0D RGB 10 10 13

RAL 9006
White aluminium

Nhôm trắng

#A5A8A6 RGB 165 168 166

RAL 9007
Grey aluminium

Nhôm xám

#8F8F8C RGB 143 143 140

RAL 9010
Pure white

Trắng nguyên bản

#F7F9EF RGB 247 249 239

RAL 9011
Graphite black

Đen than chì

#292C2F RGB 41 44 47

RAL 9012
Clean room white

Trắng phòng sạch

#FFFDE6 RGB 255 253 230

RAL 9016
Traffic white

Trắng giao thông

#F7FBF5 RGB 247 251 245

RAL 9017
Traffic black

Đen giao thông

#2A2D2F RGB 42 45 47

RAL 9018
Papyrus white

Trắng papyrus

#CFD3CD RGB 207 211 205

RAL 9022
Pearl light grey

Xám ngọc trai sáng

#9C9C9C RGB 156 156 156

RAL 9023
Pearl dark grey

Xám ngọc trai đậm

#7E8182 RGB 126 129 130